

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH
THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2020/HSST

Ngày: 14/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Chiếu.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 184/2019/TLST-HS ngày 24/12/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2019/QĐXXST-HS ngày 24/12/2019 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Đ** (tên gọi khác: Không có), sinh năm 1997; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: xóm Tân Ấp, xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Huế (đã chết) và bà Trần Thị Tuyết; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 100/2014/HSST ngày 28/11/2014. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1967; Trú tại: xóm Trung, xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1964; Trú tại: tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Công H, sinh năm: 1988; Trú tại: tổ dân phố Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20M4-7536 của ông Nguyễn Văn D (sinh năm: 1967; trú tại xóm Trung, xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), buổi tối ngày 05/5/2019, Nguyễn Văn Đ đến nhà ông D chơi và được ông D mời lại ăn cơm, sau đó Đ xin ngủ nhờ lại nhà ông D. Đến sáng 06/5/2019, ông D đi làm và đề nghị Đ ra về để ông D khóa cửa nhưng Đ vẫn tiếp tục xin ngủ lại. Trong thời gian ông D đi làm, Đ đã lấy 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 20M4-7536, 01 giấy phép lái xe số AG305552 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, tất cả đều mang tên ông Nguyễn Văn D để trong ví trên nóc tủ. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, khi ông D đi làm về, biết ông D thích uống rượu nên Đ lừa ông D hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 20M4-7536 của ông D để về nhà lấy thịt gà và rượu sang nhà ông D ăn uống. Ông D tưởng thật đồng ý cho Đ mượn xe đi. Sau khi mượn được xe của ông D, Đ điều khiển xe đến quán sửa xe của ông Nguyễn Thành L (sinh năm 1964; trú tại tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) đề nghị bán chiếc xe cho ông L. Khi bán xe, Đ nói dối là xe của bố Đ cho, do đang có nhu cầu mua xe mới nên bán cho ông L với giá 7.000.000 đồng, ông L đồng ý. Đ viết giấy bán xe mang tên giả là Nguyễn Văn Tùng. Sau khi bán được xe Đ sử dụng số tiền trên vào mục đích chơi game và tiêu xài cá nhân hết. Do không có khả năng trả lại chiếc xe nên Đ đã bỏ trốn xuống khu vực Hà Nội. Ông D sau khi cho Đ mượn xe do không thấy Đ quay lại nên đã báo cho gia đình Đ và đến cơ quan công an trình báo. Đến ngày 14/10/2019, cơ quan điều tra công an thị xã Phổ Yên đã triệu tập được Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 89/KLĐG ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên kết luận trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 20M4-7536 do Đ chiếm đoạt là 9.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trong giấy bán xe do ông L giao nộp so với mẫu chữ viết của Nguyễn Văn Đ. Tại bản kết luận giám định số 1386 ngày 23/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: chữ viết tại mục “người bán: Nguyễn Văn Tùng”, ngày, tháng: “06/5/2019” trên tài liệu cần giám định so với chữ viết dưới các mục: “người viết, người tự khai” mang tên Nguyễn Văn Đ trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi mua được xe của Đ, đến khoảng tháng 9/2019, ông L đã bán lại cho anh Nguyễn Công H (sinh năm 1988; trú tại tổ dân phố Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) với giá 11.000.000 đồng, ông L và anh H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô và toàn bộ giấy tờ kèm theo cho cơ quan điều tra để phục vụ điều tra. Trong quá trình giải quyết vụ án, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 20M4-7536 cùng 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều mang tên ông Nguyễn Văn D, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông D quản lý sử dụng, ông D không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ông L đã tự nguyện trả lại cho anh H số tiền 11.000.000 đồng, anh H không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với số tiền 7.000.000 đồng ông L bỏ ra để mua xe của Đ, đến nay Đ chưa trả lại cho ông L, ông L yêu cầu Đ phải trả lại số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSPY ngày 24/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng ông L đã bỏ ra để mua xe của Đ.

Ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn ông đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo nghiêm khắc, đúng quy định pháp luật. Về phần dân sự, ông D xác định đã được nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Anh Nguyễn Công H có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh H xác định đã nhận đủ số tiền bỏ ra mua xe là 11.000.000 đồng và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Kết thúc phần thẩm vấn, Đ diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Đ mức án từ 18-24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 20M4-7536 và các giấy tờ kèm theo cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Thành L số tiền 7.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận nội dung truy tố là đúng. Lời nói sau cùng, bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Nguyễn Văn D; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Công H vắng mặt. Tuy nhiên, ông D, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã cung cấp đầy đủ lời khai, thể hiện quan điểm, do vậy sự vắng mặt của ông D, anh Nguyễn Công H không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản sự việc, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 06/5/2019, tại nhà của ông Nguyễn Văn D thuộc xóm Trung, xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 20M4-7536 trị giá 9.000.000 đồng của ông D để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó không có khả năng trả lại nên bỏ trốn. Đến ngày 16/10/2019 thì bị Cơ quan điều tra công an thị xã Phổ Yên bắt giữ.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 13/CT-VKSPY ngày 24/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Khoản 1 Điều 174 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét các yếu tố về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nhân thân: Bị cáo xuất thân trong gia đình lao động thuần túy, được nuôi ăn học nhưng do lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng năm 2014 đã từng bị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng về tội trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 100/2014/HSST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), bị cáo đã chấp hành xong bản án nên thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Do đó xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của bộ luật hình sự.

[5] Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo dù tuổi đời còn trẻ nhưng không có ý thức tu dưỡng bản thân, do ham mê điện tử và thích tiêu xài hưởng thụ nhưng lười lao động đã dẫn bị cáo phạm tội, bị cáo là người có nhân thân xấu. Xét tính chất của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải buộc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Mức án mà vị Đ diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành L yêu cầu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng là tiền ông L bỏ ra để mua xe của Đ. Xét thấy, yêu cầu của ông L là có căn cứ chấp nhận nên cần buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho ông L số tiền 7.000.000 đồng.

Người bị hại ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công H đã được nhận lại tài sản, tiền mua bán xe và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm. Bị cáo,

bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326, 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2019.

Quyết định tạm giam giam bị cáo Nguyễn Văn Đ 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho ông Nguyễn Thành L số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Công H đã được nhận lại tài sản, ông D và anh H không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo Nguyễn Văn Đ không thi hành khoản bồi thường trên cho ông Nguyễn Thành L thì bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng ông D không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Công H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên,.
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Chiều

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn